

TĐĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giới: S
	Ngày: 01/02/19

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định
có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao
giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao
giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ
Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04
tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ,
hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Điểm g khoản 6 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“g) Điều 25 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa
công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11
năm 2009 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 như sau:

“2. Hồ sơ và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường:

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Nộp bản sao có chứng thực
hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực
tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).”

b) Số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, kiểm tra điều kiện kinh doanh thực tế và cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”

2. Điểm i khoản 6 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“i) Điều 31 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 như sau:

“2. Hồ sơ và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke:

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke trong đó ghi rõ địa điểm kinh doanh, số phòng, diện tích từng phòng;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).”

b) Số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp có trách nhiệm cấp giấy phép kinh doanh; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật

Điểm c khoản 3 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm mẫu: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).”